

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 127/2021/DSPT

Ngày 21-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuấn, ông Văn Công Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Lăk: Bà Nguyễn Thị Hải Anh
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 24 tháng 8 năm 2021 và ngày 21 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Lăk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 127/2021/TLPT- DS ngày 14 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 182/2021/DS - ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2021/QĐ - PT ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Lại Thị Ánh D; địa chỉ: Đường Y, tổ dân phố X, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2.Bị đơn: Ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T (Bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho ông Trần Văn M tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2020); địa chỉ: Đường MK, tổ dân phố Z, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH thương mại A; địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đăk Lăk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn M – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên; (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Trần Văn M (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lại Thị Ánh D trình bày:

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến năm 2019 bà Lại Thị Ánh D và vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T thường xuyên mua bán cà phê với nhau với hình thức bà D mua cà phê của vợ chồng ông M, bà T sau đó gửi lại cho ông M và bà T giữ, lúc nào cần bán hai bên chốt giá cà phê tại thời điểm để bán lại cho vợ chồng ông M. Trong khoảng thời gian này bà Lại Thị Ánh D đã gửi cho vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T ba lần tổng cộng 9.500 kg cà phê nhân xô, cụ thể: Ngày 26/01/2018 gửi 1.000kg cà phê nhân xô; ngày 03/05/2018 gửi 3.000kg cà phê nhân xô và ngày 16/01/2019 gửi 5.500kg cà phê nhân xô.

Đến ngày 09 tháng 6 năm 2020 bà D đã thỏa thuận bán cho vợ chồng ông M, bà T với giá 31.000 đồng /1 kg cà phê nhân xô, thành tiền là 294.500.000 đồng (Hai trăm chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng), ngày 25/06/2020 vợ chồng ông M trả được 64.790.000 đồng (Sáu mươi tư triệu, bảy trăm chín mươi nghìn đồng), số tiền còn lại là 229.710.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm mười nghìn đồng) vợ chồng ông M hẹn sau 1 tuần sẽ thanh toán, tuy nhiên đến hạn trả tiền nhưng vợ chồng ông M, bà T vẫn không trả cho bà D. Khi giao dịch mua bán toàn bộ số lượng cà phê nói trên hai bên thỏa thuận ký kết với tư cách cá nhân do bà và cá nhân vợ chồng ông M đứng ra giao dịch, không liên quan đến Công ty A, không có con dấu của công ty trong các chứng từ mua bán.

Vì vậy, bà D đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên buộc vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả cho bà số tiền mua cà phê còn thiếu là 229.710.000 đồng (Hai trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm mười nghìn đồng), bà D không yêu cầu lãi suất.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà Lại Thị Ánh D đã làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 24.180.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng) là số tiền còn lại đối với phiếu gửi cà phê do ông Trần Văn M nhận của anh Phạm Trung S vào ngày 26/01/2018 và Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện đó. Hiện nay, bà D yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết buộc ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả số

tiền còn nợ là 205.530.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai lập ngày 27/7/2020, bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vợ chồng ông bà thành lập Công ty TNHH thương mại A; địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để kinh doanh cà phê, nông sản. Qua thời gian mua bán đến nay, Công ty A còn nợ lại bà Lại Thị Ánh D 229.710.000 đồng tiền mua cà phê còn thiếu. Tuy nhiên, hiện nay do Công ty làm ăn thua lỗ, đã bán hết tài sản trả nợ cho người dân nên chưa trả được cho bà D.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn M đồng thời là đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị T và là đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại A đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia đối chất, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M đều vắng mặt. Tòa án đã ban hành và tổng đạt quyết định để yêu cầu ông M là đại diện theo pháp luật của Công ty A cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh trách nhiệm của Công ty A nhưng đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Văn M thừa nhận việc gửi cà phê, nội dung, số lượng cà phê hai bên mua bán và số tiền như bà D đã khởi kiện là đúng. Tuy nhiên, ông M cho rằng chữ ký dưới mục người nhận tại các phiếu gửi cà phê ngày 26/01/2018, ngày 03/05/2018 và ngày 16/01/2019 do bà D xuất trình do ông đã trực tiếp ký sẵn, sau đó giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nhận cà phê của bà D. Việc ông ký nhận vào phiếu gửi cà phê và bà T là người trực tiếp nhận số cà phê nói trên của bà D với tư cách là đại diện cho Công ty A. Vì vậy, Công ty A mới là người có nghĩa vụ trả nợ cho bà D, vợ chồng ông không có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2021/DS - ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 429, Điều 430, Điều 434 và khoản 1, khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lại Thị Ánh D. Buộc vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lại Thị Ánh D số tiền 205.530.000 đồng (Hai trăm lẻ năm triệu, năm

trăm ba mươi nghìn đồng). Nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi chậm trả nên không đề cập giải quyết.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2021, bị đơn ông Trần Văn M đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk hủy Bản án sơ thẩm số 182/2021/DS – ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc để xét xử lại, trong đó xác định vợ chồng ông M, bà T không phải là bị đơn của vụ án.

Tại phiên tòa, ông Trần Văn M vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông M, bà T thấy rằng: Từ năm 2018 đến 2019 bà Lại Thị Ánh D ba lần gửi cà phê và thể hiện với hình thức “*Phiếu gửi cà phê*”: ông Trần Văn M ký tên xác nhận nhận của bà D ba lần tổng cộng 9.500kg cà phê, bà T là người trực tiếp nhận, cụ thể: Lần 1: Ngày 26/01/2018 gửi 1.000 kg cà phê nhân xô, lần 2 ngày 03/5/2018 gửi 3.000kg cà phê nhân xô, lần 3 ngày 16/01/2019 gửi 5.500kg cà phê nhân xô. Đến ngày 09/6/2020 hai bên chốt giá với giá 31.000 đồng/kg cà phê nhân xô, thành tiền là $9.500 \text{ kg} \times 31.000\text{đ/kg} = 294.500.000$ đồng, ngày 25/06/2020 ông M, bà T đã trả được 64.790.000 đồng. Ông M thừa nhận việc bà D có gửi cà phê như phiếu gửi trên, chữ ký trong phiếu gửi là do ông M ký xác nhận. Ông M cho rằng ông ký nhận với tư cách là đại diện Công ty TNHH TM A, không ký với tư cách cá nhân.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thì Công ty TNHH TM A mua bán cà phê, nông sản các loại, bao bì, phân bón, vật tư công nghiệp, vốn điều lệ là 1.000.000.000 đồng. Thành viên góp vốn là ông Trần Văn M góp 68% là chủ tịch Hội đồng Thành viên. Bà Nguyễn Thị T góp 32% là thành viên. Tại Giấy xác nhận của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk xác nhận Công

ty TNHH TM A và tất cả các chi nhánh, Văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 11/07/2020 đến 10/7/2021. Lý do tạm ngừng: Doanh nghiệp khó khăn trong việc cạnh tranh trên thị trường, tạm ngừng kinh doanh để cơ cấu lại (BL:67).

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án đã yêu cầu ông M, bà T cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến hoạt động kinh doanh mua bán giữa Công ty TNHH TM A và bà D, nhưng ông M là người đại diện Công ty TNHH TM A không chứng minh được số lượng hàng hóa, thời gian mua, số liệu hàng hóa nhập kho, xuất kho vào Công ty. Ngày 25/6/2020 ông M, bà T đã trả 64.790.000 đồng cho bà D và không chứng minh được nguồn tiền trả là tiền của Công ty. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, ông M xác định ông còn giữ các giấy tờ liên quan và sổ sách của Công ty đối với số cà phê bà D gửi nên Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để ông M cung cấp chứng cứ; hết thời hạn tạm ngừng phiên tòa, ông M cung cấp thêm một số tài liệu nhưng không thể hiện được số cà phê bà D gửi vào Công ty. Xét thấy ông M cho rằng bà D gửi cà phê cho Công ty TNHH TM A chứ không phải cá nhân ông, bà nhưng không chứng minh được quy trình gửi giữ cà phê, ứng tiền, nhập kho, chốt giá của Công ty theo quy định, bà D khởi kiện yêu cầu cá nhân ông M, bà T trả nợ là có căn cứ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T về việc buộc Công ty TNHH TM A có trách nhiệm trả nợ cho bà D.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 – Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2021/DS-ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T), Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Các bên đều thống nhất xác định vào các ngày 26/01/2018, ngày 03/05/2018 và ngày 16/01/2019, bà Lại Thị Ánh D có gửi tổng cộng 9.500 kg cà phê nhân xô cho ông M, bà T. Đến ngày 09/6/2020 bà D đã thỏa thuận bán với giá 31.000 đồng/kg cà phê nhân xô, thành tiền là $9.500 \text{ kg} \times 31.000 \text{ đ/kg} = 294.500.000$ đồng, ngày 25/06/2020 ông M, bà T đã trả được 64.790.000 đồng và còn nợ lại 229.710.000 đồng, quá trình giải quyết vụ án, bà Lại Thị Ánh D đã làm đơn rút

một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 24.180.000 đồng, còn nợ lại số tiền 205.530.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn bà Lại Thị Ánh D cho rằng, số cà phê này là do cá nhân vợ chồng ông M đứng ra giao dịch với bà không liên quan đến Công ty A, không có con dấu của công ty trong các chứng từ mua bán. Còn ông Trần Văn M cho rằng việc mua bán cà phê nói trên là do Công ty TNHH thương mại A mua bán với bà D, ông M ký tên tại mục người nhận trong các phiếu gửi với tư cách là người đại diện của Công ty A. Do vậy, trách nhiệm trả nợ cho bà D là của Công ty A chứ không phải trách nhiệm của cá nhân vợ chồng ông và bà T.

[2.2] Xét các phiếu gửi cà phê ngày 26/01/2018, ngày 03/05/2018 và ngày 16/01/2019 do bà D cung cấp, tại phần đầu phiếu có tên của Công ty TNHH thương mại A, địa chỉ: QT, khối Y, thị trấn P, huyện K. Tại biên bản phiên tòa ngày 28/5/2021 (BL 116), nguyên đơn bà Lại Thị Ánh D trình bày: “Các lần gửi cà phê nhân xô tôi đều cân cà phê tại kho của ông M, bà T tại tổ dân phố Y, thị trấn P, có lần ông M nhận, có lần bà T nhận nhưng tôi không nhớ cụ thể. Và các lần gửi đều có phiếu gửi do ông Trần Văn M trực tiếp ký sẵn, sau đó giao cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nhận cà phê của tôi và viết vào phiếu”. Như vậy, có căn cứ để xác định vào các ngày 26/01/2018, ngày 03/05/2018 và ngày 16/01/2019 bà D đã gửi cà phê cho Công ty A. Việc ông Trần Văn M ký tên tại mục người nhận trong phiếu gửi là với tư cách người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Xét thấy, Công ty TNHH thương mại A được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 6000631165, đăng ký lần đầu ngày 25/01/2007, thay đổi đăng ký lần thứ 01 ngày 03/9/2009, ngành nghề kinh doanh là: Mua, bán cà phê, nông sản các loại; bao bì; phân bón; vật tư nông nghiệp (trừ thuốc trừ sâu, diệt cỏ). Danh sách thành viên góp vốn gồm hai thành viên là ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T. Do vậy, việc Công ty A nhận gửi cà phê của bà Lại Thị Ánh D là phù hợp với ngành nghề kinh doanh đã đăng ký. Theo quy định tại khoản 4 Điều 44 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì: “ Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu”. Hiện nay, không có quy định nào về việc phiếu gửi cà phê phải đóng dấu, giữa bà D với ông M cũng như Công ty A không có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu nên việc ông M chỉ ký tên mà không đóng dấu tại mục người nhận trong phiếu gửi cà phê không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của phiếu gửi.

[2.3] Đối với việc Công ty A không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh hoạt động kinh doanh mua bán giữa Công ty A với bà Lại Thị Ánh D, chứng minh được số lượng hàng hóa kê khai theo thứ tự thời gian mua hàng, các số

liệu hàng hóa nhập kho, việc theo dõi tài sản của Công ty cũng như không chứng minh được toàn bộ số lượng cà phê 9.500 kg cà phê nhân xô mà ông M mua của bà D là tài sản của Công ty A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc sau khi ông M, bà T nhận cà phê của bà D gửi nhưng không thực hiện các thủ tục nhập kho của Công ty là lỗi của cá nhân ông M, bà T đối với Công ty A. Còn Công ty A phải chịu trách nhiệm về quyền và nghĩa vụ đối với giao dịch dân sự do ông Trần Văn M là người đại diện xác lập, thực hiện nhân danh pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 87 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, trách nhiệm thanh toán số tiền 205.530.000 đồng cho bà Lại Thị Ánh D là thuộc về Công ty TNHH thương mại A, việc bản án cấp sơ thẩm xác định vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán cho bà Lại Thị Ánh D số tiền 205.530.000 đồng là đánh giá chứng cứ chưa chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn M (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị T), sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2021/DS – ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị Ánh D về việc buộc Công ty TNHH thương mại A có trách nhiệm trả cho bà Lại Thị Ánh D số tiền 205.530.000 đồng.

[3]. Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên sửa phần án phí dân sự sơ thẩm. Công ty TNHH thương mại A phải chịu 205.530.000 đồng x 5% = 10.276.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lại Thị Ánh D số tiền 5.137.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2019/0014192 ngày 20/7/2020 (đây là số tiền còn lại sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã được nhận lại là 604.500 đồng theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 110/2020/QĐ – ST ngày 14/9/2020).

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận một phần đơn kháng cáo nên vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Văn M đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Trần Văn M nộp thay theo biên lai số 60AA/2021/0006399 ngày 15/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M và bà Nguyễn Thị T.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 182/2021/DS – ST ngày 28/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26; Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 429, Điều 430, Điều 434 và khoản 1, khoản 2 Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lại Thị Ánh D về việc buộc Công ty TNHH thương mại A có trách nhiệm trả cho bà Lại Thị Ánh D số tiền 205.530.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

[2]. Về án phí:

[2.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH thương mại A phải chịu 10.276.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Lại Thị Ánh D số tiền 5.137.500 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện K theo biên lai số AA/2019/0014192 ngày 20/7/2020 (đây là số tiền còn lại sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã được nhận lại là 604.500 đồng theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 110/2020/QĐ – ST ngày 14/9/2020).

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Vợ chồng ông Trần Văn M, bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Trần Văn M đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm. Bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do ông Trần Văn M nộp thay theo biên lai số 60AA/2021/0006399 ngày 15/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Đảng Cộng TTĐT TANDTC
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hằng